

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 225/2023/HS-PT

Ngày: 29-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 165/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Quang N.** Do có kháng cáo của các bị cáo **Trần Quang N** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Quang N**, sinh năm 1980, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Văn C**, sinh năm 1954 và con bà **Lê Thị Bé B**, sinh năm 1958; Anh chị em: có 03 người bị cáo là con thứ 2; vợ: **Trần Kim H**, sinh năm 1983; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: 30/12/2022; tạm giam: 20/01/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Đ**, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang N cùng vợ là Trần Kim H mở cửa hàng tạp hóa tên Kim H, do Trần Kim H là người đứng tên giấy phép kinh doanh Hộ gia đình, địa điểm kinh doanh là tại nhà số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng tháng 11/2022, có một thanh niên lạ đến mua đồ và gợi ý với N có mua thuốc lá nhập lậu về bán lại kiếm lời không, đồng thời người thanh niên đó cung cấp cho N số điện thoại có 02 số đuôi là “29” tên là L ở Hồ N, khi nào N đồng ý thì điện để liên hệ. Đến ngày 29/12/2022, N thấy việc mua bán thuốc lá nhập lậu sẽ có lợi nhuận cao, nên đã điện thoại cho L có số đuôi là “29” để mua thuốc lá điều nhập lậu. Qua trao đổi thì L cho giá H1 là 152.000đ/10 bao; Jet giá 184.000đ/10 bao; Nelson giá 119.000đ/10 bao ; Scott giá 138.000đ/10 bao, N đồng ý mua. Sau khi thỏa thuận xong thì tối lại khoảng lúc 23 giờ đêm L cho người thanh niên lạ vận chuyển thuốc lá nhập lậu bằng xe mô tô đến tận nhà N để giao thuốc lá các loại, N là người trực tiếp nhận tổng cộng 05 lần với tổng số thuốc lá 5.997 bao gồm các loại: Hero - 2.387 bao; J - 1.690 bao; N1 - 1.670 bao ; S - 250 bao. Số thuốc lá trên N đem vào cất giấu ở nhiều nơi trong nhà, đồng thời không cho vợ con và những người trong nhà biết việc mua bán thuốc lá điều nhập lậu nói trên. Khi nhận và cất giấu thuốc lá xong, N đã đưa cho người vận chuyển số tiền là 70.000.000đ số tiền thiếu lại khi nào bán hết số thuốc lá trên sẽ thanh toán sau.

Vào lúc 8 giờ ngày 30/12/2022, trên cơ sở tin báo của quần chúng nhân dân, Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đ kết hợp Công an huyện T đã tiến hành kiểm tra tiệm T, tại thời điểm kiểm tra chỉ có một mình N có mặt tại nhà và tiệm. Qua kiểm tra thì cơ quan chức năng đã thu giữ được toàn bộ số thuốc lá nhập lậu mà N đã mua của L được cất giấu ở 09 địa điểm trong nhà và tiệm T.

Quá trình điều tra N thừa nhận việc mua bán thuốc lá nhập lậu là do một mình N thực hiện, các thành viên khác trong hộ gia đình không ai hay biết và khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Quang N phạm tội “ Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt Trần Quang N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/12/2022.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo N, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, bị cáo Trần Quang N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng: Hành vi của bị cáo Trần Quang N bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ

luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Quang N**, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo **Trần Quang N** không phát biểu tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Trần Quang N** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Mặc dù biết Nhà nước nghiêm cấm việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu, nhưng do ham lợi nhuận cao nên ngày 29/12/2022, bị cáo **N** đã mua tổng số thuốc lá 5.997 bao gồm các loại: Hero - 2.387 bao; **J** - 1.690 bao; **N1** - 1.670 bao ; Scott - 250 bao đem về cất giấu nhiều nơi trong nhà để bán lại kiếm lời thì bị bắt giữ cùng tang vật.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo **Trần Quang N** là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại của Nhà nước ta. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích phạm tội là để tư lợi cá nhân. Bị cáo thừa biết việc buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ hành vi của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Trần Quang N** về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Quang N**, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo **Trần Quang N** là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo **N** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Quang N**. Giữ nguyên phần quyết định bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **Trần Quang N**.

2. Tuyên bố bị cáo **Trần Quang N** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Trần Quang N** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/12/2022.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo **Trần Quang N** phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam CAT;
- TAND huyện Thanh Bình (02 bản);
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thanh Bình;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh

